TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH HƯNG** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**
Bản án số: 05/2020/HNGĐ-ST Ngày: 23-3-2020 Về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH HƯNG TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Liễu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lâm Hồng Hải

2. Ông Bùi Đức Hảo

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hoàng – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An *tham gia phiên toà:* Ông Nguyễn Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 175/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2020/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Tú Tr, sinh năm 1990. Địa chỉ: Ấp N, xã Th, huyện V, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:* Ông Đinh Hữu Q, sinh năm 1991. Địa chỉ: Ấp N, xã Th, huyện V, tỉnh Long An.

Bà Tr có mặt, ông Q vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn đề ngày 03/9/2019, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa đương sự trình bày như sau:

Nguyên đơn bà Tr trình bày: Bà và ông Q được người thân mai mối và tìm hiểu nhau một thời gian khoảng 05 tháng, sau đó được sự đồng ý của hai

bên gia đình, tổ chức lễ cưới vào 15/6/2016 âm lịch; Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Th và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 43/2016 ngày 03/11/2016. Sau khi cưới xong hai vợ chồng bà làm ăn sinh sống tại ấp N, xã Th, huyện V, tỉnh Long An (ở chung với gia đình chồng). Trong quá trình chung sống vợ chồng bà thường xuyên cãi vả, không hợp nhau, ông Q hay dùng từ ngữ thiếu tôn trọng đối với bà và công việc của bà. Vợ chồng bà nhiều lần tìm cách giải quyết nhưng không có kết quả, cụ thể trước đây bà đã nhiều lần nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn nhưng vì thương con và nghĩ vợ chồng có thể hàn gắn nên rút đơn nhưng kết quả tình trạng hôn nhân của bà không được cải thiện, ông Q không khắc phục khuyết điểm. Nay bà xác định không còn tình cảm nên không thể sống chung với ông Q, Hiện tại, bà và con đã chuyển về nhà công vụ giáo viên tại khu phố Măng Đa, Thị trấn V, huyện V, tỉnh Long An để sinh sống, thỉnh thoảng ông Q có ghé thăm con và ở lại nhưng bà và ông Q không nói chuyện, cũng không giải quyết được mâu thuẫn giữa vợ chồng. Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng bà có con chung tên Đinh Tiến Đ (nam) sinh ngày 06/01/2017, cháu đang học trường mầm non thị Trấn V.

Tại phiên tòa bà Tr vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết: Về hôn nhân: Xin ly hôn với ông Q; Về con chung: yêu cầu nuôi con chung tên Đinh Tiến Đ, sinh ngày 06/01/2017; Về chia tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét; Về chia nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Q trình bày: Do ông Q được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do và không có văn bản thể hiện ý kiến gửi Tòa án nên không có lời trình bày.

- Về ý kiến của Viện kiểm sát:

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Theo quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự thì nguyên đơn chấp hành đúng quy định, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định.

Nội dung vụ án: Bà Tr và ông Q có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp; Quá trình giải quyết vụ án, ông Q được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án để giải quyết vụ án. Vì vậy, ông Q không có thiện chí và cũng không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng nên mâu thuẫn của vợ chồng đã trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể kéo dài cuộc sống hôn nhân thêm nữa. Con chung Đinh Tiến Đ đang sống chung với bà Tr, bà Tr có việc làm, có thu nhập ổn định, có đủ điều kiện chăm sóc, giáo dục con. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 51, 56, 81 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Tr, bà Tr được ly hôn với ông Q, giao con chung Tiến Đ cho bà Tr nuôi dưỡng và chăm sóc; Về cấp dưỡng nuôi con chung, chia tài sản chung và chia nợ chung không có yêu cầu nên không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền: Bà Tr yêu cầu ly hôn với ông Q và yêu cầu nuôi con chung, ông Q có nơi cư trú tại ấp N, xã Th, huyện V, tỉnh Long An nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về tố tụng: Ông Q vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt ông Q là phù hợp với quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân của bà Tr và ông Q là hôn nhân hợp pháp được hình thành trên cở sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Th, huyện Vĩnh Hưng vào ngày 03/11/2016 theo quy định pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp;

Bà Tr xác định bà không còn tình cảm với ông Q vì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, ông Q không tôn trọng bà và công việc của bà Tr, bà Tr cũng đã nhiều lần yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn nhưng sau đó rút đơn vì thương con; Còn ông Q, mặc dù đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông không liên hệ đến Tòa án để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình và cũng không thể hiện ý kiến về việc bà Tr yêu cầu ly hôn. Như vậy, Hội đồng xét xử xét thấy bà Tr đã kiên quyết ly hôn, ông Q thì bỏ mặc tình trạng hôn nhân cho bà Tr tự định đoạt nên có căn cứ khẳng định tình trạng hôn nhân của bà Tr và ông Q đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Tr là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[4] Về nuôi con chung: Con chung tên Đinh Tiến Đ hiện đang sinh sống cùng với bà Tr; Bà Tr có việc làm ổn định, có thu nhập đảm bảo cho việc nuôi dưỡng và chăm sóc con chung, ông Q không có ý kiến tranh chấp với bà Tr về việc nuôi con chung. Vì vậy, Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà Tr, giao con chung tên Đinh Tiến Đ cho bà Tr trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật tại các điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Bà Tr không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

Ông Q có quyền thăm nom, chăm sóc con chung và quyền yêu cầu thay đổi nuôi con theo quy định pháp luật.

[5] Về chia tài sản chung và chia nợ chung: Bà Tr xác định không có nợ chung và không tranh chấp tài sản chung trong vụ án này, ông Q cũng không có yêu cầu vì vậy Hội đồng xét xử không đề cập đến, trường hợp sau này giữa các đương sự có tranh chấp thì sẽ thụ lý giải quyết bằng vụ án khác.

Từ các nhận định trên, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu về ly hôn, yêu cầu nuôi con chung của bà Tr.

[6] Về án phí: Do bà Tr không thuộc trường hợp được miễn án phí nên bà Tr phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự; các điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu ly hôn, yêu cầu được nuôi con chung của bà Trần Thị Tú Tr.

Về hôn nhân: Bà Trần Thị Tú Tr được ly hôn với ông Đinh Hữu Q.

Về con chung: Giao con chung tên Đinh Tiến Đ (Giới tính: nam), sinh ngày 06/01/2017 cho bà Trần Thị Tú Tr trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc. Bà Trần Thị Tú Tr không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, một trong hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định.

Về án phí: Bà Trần Thị Tú Tr phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước. Chuyển 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí bà Trần Thị Tú Tr đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng ngày 09/12/2019 theo biên lai thu tiền số 0004660 sang tiền án phí.

Báo cho bà Tr biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Q vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận: **TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- TAND,VKSND Tỉnh Long An;
- VKSND huyện Vĩnh Hưng;
- Chi cục THADS/H Vĩnh Hưng;
- UBND xã Th;
- Các đương sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Xuân Liễu